

KẾ HOẠCH
Đánh giá phân loại Chỉ số cải cách hành chính
và chính quyền cơ sở cấp xã năm 2023

Căn cứ Quyết định số 60/2013/QĐ-UBND ngày 30/9/2013 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy định tiêu chí đánh giá, phân loại chính quyền cơ sở ở xã, phường, thị trấn hàng năm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 40/QĐ-UBND ngày 03/10/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về tiêu chí đánh giá chính quyền cơ sở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 60/2013/QĐ-UBND ngày 30/9/2013 của UBND tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 1531/QĐ-UBND ngày 29/6/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai Ban hành Bộ chỉ số cải cách hành chính năm 2023;

Căn cứ Kế hoạch số 165/KH-UBND, ngày 29/6/2023 của UBND tỉnh về triển khai xác định Bộ Chỉ số cải cách hành chính các Sở, ban ngành; UBND cấp huyện năm 2023.

Căn cứ Quyết định số 2241/QĐ-UBND, ngày 11/8/2023 của UBND huyện về ban hành Bộ Chỉ số Cải cách hành chính cấp xã năm 2023;

Căn cứ Văn bản số 2774/SNV-TT, ngày 13/7/2023 của Sở Nội vụ về việc hướng dẫn xây dựng, đánh giá, công bố Chỉ số cải cách hành chính của UBND cấp xã năm 2023; UBND huyện Vĩnh Cửu xây dựng Kế hoạch đánh giá, phân loại Chỉ số cải cách hành chính và chính quyền cơ sở cấp xã năm 2023 trên địa bàn huyện, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Tổ chức đánh giá, phân loại kết quả thực hiện nhiệm vụ Cải cách hành chính, mức độ hoàn thành nhiệm vụ của UBND các xã, thị trấn theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần trong Bộ chỉ số cải cách hành chính và chính quyền cơ sở cấp xã đã được UBND tỉnh ban hành;

b) Trên cơ sở kết quả đánh giá, phân loại chỉ số cải cách hành chính và chính quyền cơ sở cấp xã được công bố hàng năm, UBND các xã, thị trấn chủ động xây dựng mục tiêu, nhiệm vụ của đơn vị cho phù hợp với yêu cầu chung của tỉnh, huyện; phát huy những mặt ưu điểm, tích cực, kịp thời khắc phục những thiếu sót, hạn chế, góp phần nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành

chính, công vụ; đề ra các giải pháp quản lý nhằm nâng cao hiệu quả công tác, kiện toàn bộ máy, bố trí và sử dụng đội ngũ công chức hợp lý.

c) Làm cơ sở để bình xét thi đua đối với UBND các xã, thị trấn và đánh giá phân loại cán bộ, công chức.

2. Yêu cầu

- Đánh giá thực chất, khách quan, khoa học, công khai, công bằng phản ánh đúng những kết quả đã được trong năm của đơn vị;

- Đánh giá tương đối toàn diện các lĩnh vực chủ yếu của cải cách hành chính, công vụ, chức năng, nhiệm vụ được giao và kết quả thực hiện nhiệm vụ;

- Đảm bảo tính kịp thời của việc đánh giá, phân loại kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính, công vụ hàng năm để đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính, công vụ;

- Việc theo dõi, giám sát đánh giá kết quả thực hiện phải được thực hiện thường xuyên, liên tục.

3. Đối tượng thực hiện

UBND các xã, thị trấn

II. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ

Đánh giá cho điểm các tiêu chí, tiêu chí thành phần trong Bộ chỉ số cải cách hành chính và chính quyền cơ sở cấp xã, cụ thể như sau:

1. Chỉ số Cải cách hành chính và chính quyền cơ sở của UBND cấp xã

1.1. Phần 1: Đánh giá chỉ số cải cách hành chính (50%)

Gồm 08 lĩnh vực, 25 tiêu chí và 52 tiêu chí thành phần:

+ Công tác Chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính: 13 điểm, 6 tiêu chí, 7 tiêu chí thành phần

+ Cải cách thể chế: 9 điểm, gồm 3 tiêu chí, 4 tiêu chí thành phần;

+ Cải cách thủ tục hành chính: 20 điểm, gồm 3 tiêu chí, 10 tiêu chí thành phần

+ Cải cách bộ máy hành chính nhà nước: 10 điểm, gồm 5 tiêu chí, 3 tiêu chí thành phần

+ Cải cách chế độ công vụ: 10 điểm, gồm 4 tiêu chí, 4 tiêu chí thành phần

+ Cải cách tài chính công: 8 điểm, 2 tiêu chí, 2 tiêu chí thành phần

+ Xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số: 18 điểm, gồm 3 tiêu chí, 11 tiêu chí thành phần;

+ Đánh giá chất lượng công tác cải cách hành chính: 12 điểm gồm 2 tiêu chí, 4 tiêu chí thành phần.

2. Về phương pháp tính điểm và quy đổi điểm

2.1. Thang điểm và cách tính chỉ số CCHC

- Thang điểm đánh giá là 100 điểm và được xác định cụ thể đối với từng tiêu chí, tiêu chí thành phần trong Chỉ số cải cách hành chính của UBND cấp xã; trong đó:

+ Điểm địa phương tự đánh giá là 100/100 điểm.

- Chỉ số cải cách hành chính được xác định bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa “điểm Ủy ban nhân dân huyện đánh giá” và “tổng điểm tối đa” (100 điểm).

2.1. Phương pháp quy đổi sang điểm tổng của Bộ chỉ số

- Tổng điểm phần 1 (Chỉ số cải cách hành chính) bằng điểm chỉ số cải cách hành chính x 50%.

- Tổng điểm phần 2 (Chỉ số chính quyền cơ sở) bằng điểm chỉ số đánh giá chính quyền cơ sở theo Quyết định số 40/2018/QĐ-UBND và Quyết định số 60/2013/QĐ-UBND x 50%.

1.2. Phần 2: Đánh giá phân loại chính quyền cơ sở cấp xã (50%)

- Kết quả thực hiện nhiệm vụ trên lĩnh vực kinh tế - xã hội 08 tiêu chí, đạt 10/100 điểm;

- Kết quả thực hiện quản lý trên lĩnh vực công, nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thương mại – dịch vụ 11 tiêu chí, đạt 10/100 điểm;

- Kết quả thực hiện trên lĩnh vực xây dựng, mạng lưới giao thông, xây dựng điểm dân cư 10 tiêu chí, đạt 10/100 điểm;

- Kết quả thực hiện trên lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường 10 tiêu chí, đạt 10/100 điểm;

- Kết quả thực hiện trên lĩnh vực giáo dục, y tế, lao động, chính sách xã hội 16 tiêu chí, đạt 10/100 điểm;

- Kết quả thực hiện trên lĩnh vực Văn hóa, thể thao, du lịch, gia đình và chính sách dân tộc, tôn giáo 10 tiêu chí, đạt 10/100 điểm;

- Kết quả thực hiện trên lĩnh vực thông tin, truyền thông, khoa học, công nghệ 06 tiêu chí, đạt 10/100 điểm;

- Kết quả thực hiện trên lĩnh vực quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội 10 tiêu chí, đạt 10/100 điểm;

- Kết quả tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp và pháp luật, hành chính tư pháp, hỗ trợ tư pháp và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật 07 tiêu chí, đạt 10/100 điểm;

- Công tác tổ chức bộ máy chính quyền, thực hiện Quy chế dân chủ, Dân vận chính quyền và phối hợp công tác 09 tiêu chí, đạt 10/100 điểm.

2. Phương pháp quy đổi điểm

Quy đổi của phần I (cải cách hành chính), phần II (chính quyền cơ sở) để tính Chỉ số cải cách hành chính và chính quyền cơ sở cấp xã, như sau:

- Từ 95 điểm đến dưới 100 điểm: điểm quy đổi là 50 điểm;

- Từ 90 điểm đến dưới 95 điểm: điểm quy đổi là 45 điểm;
- Từ 85 điểm đến dưới 90 điểm: điểm quy đổi là 40 điểm;
- Từ 80 điểm đến dưới 85 điểm: điểm quy đổi là 35 điểm;
- Từ 75 điểm đến dưới 80 điểm: điểm quy đổi là 30 điểm;
- Từ 70 điểm đến dưới 75 điểm: điểm quy đổi là 25 điểm;
- Từ 65 điểm đến dưới 70 điểm: điểm quy đổi là 20 điểm;
- Từ 60 điểm đến dưới 65 điểm: điểm quy đổi là 15 điểm;
- Từ 55 điểm đến dưới 60 điểm: điểm quy đổi là 10 điểm;
- Từ 50 điểm đến dưới 55 điểm: điểm quy đổi là 5 điểm;
- Dưới 50 điểm chính quyền cơ sở: 0 điểm.

3. Đánh giá và phân loại chỉ số cải cách hành chính và chính quyền cơ sở (Tổng điểm quy đổi của phần I + tổng điểm quy đổi của phần II)

- Điểm tổng cộng từ 90 đến 100: Đơn vị Hoàn thành xuất sắc.
- Điểm tổng cộng từ 70 đến 90: Đơn vị Hoàn thành tốt.
- Điểm tổng cộng từ 50 đến 70: Đơn vị Hoàn thành.
- Điểm tổng cộng dưới 50: Đơn vị Không hoàn thành nhiệm vụ.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Tổ chức tự đánh giá kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính và chính quyền cơ sở cấp xã.

UBND các xã, thị trấn tự đánh giá chỉ số cải cách hành chính và chính quyền cơ sở năm 2023 của đơn vị bằng cách cho điểm các tiêu chí, tiêu chí thành phần của Chỉ số cải cách hành chính và chính quyền cơ sở, kèm theo các tài liệu minh chứng thực tế.

Đối với những tiêu chí, tiêu chí thành phần không có tài liệu kiểm chứng hoặc tài liệu kiểm chứng chưa thể hiện hết nội dung đánh giá, chấm điểm, đơn vị phải có giải thích cụ thể bằng văn bản về cách đánh giá, tính điểm.

Việc tự đánh giá được tiến hành với thành phần như sau: Có sự tham gia của Chủ tịch UBND cấp xã và công chức Văn phòng – Thống kê. Tùy vào đặc điểm, tình hình có thể mời thêm các thành phần khác cùng tham gia đánh giá, chấm điểm.

2. Tổ chức thẩm định, đánh giá kết quả tự chấm điểm.

2.1. Phòng Nội vụ

a) Là cơ quan chủ trì tham mưu Chủ tịch UBND huyện thực hiện Kế hoạch này:

- Hướng dẫn, đôn đốc UBND các xã, thị trấn tiến hành đánh giá, chấm điểm chỉ số cải cách hành chính và chính quyền cơ sở năm 2023; tổng hợp kết quả tự đánh giá và thực hiện công tác kiểm tra thực tế việc tự chấm điểm; phối hợp với các cơ quan, đơn vị được phân công thực hiện việc thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm của các đơn vị.

- Tham mưu UBND huyện xem xét đánh giá phân loại Chỉ số cải cách hành chính và chính quyền cơ sở đối với UBND cấp xã.

b) Trực tiếp thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm về các lĩnh vực:

- Công tác chỉ đạo, điều hành Cải cách hành chính;

- Cải cách bộ máy hành chính nhà nước;

- Cải cách chế độ công vụ;

- Kết quả tham mưu triển khai nhiệm vụ cải cách hành chính của UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện và kết quả thực hiện chức năng nhiệm vụ, công vụ.

- Phần VI từ mục số 8, mục số 9 và mục số 10 trong tiêu chí đánh giá chính quyền cơ sở cấp xã “*Kết quả thực hiện trên lĩnh vực Văn hóa, thể thao, du lịch, gia đình và chính sách dân tộc tôn giáo*”.

- Phần IX tại mục số 7 trong tiêu chí đánh giá chính quyền cơ sở cấp xã “*Kết quả tổ chức và đảm bảo việc thi hành Hiến pháp và pháp luật, hành chính tư pháp, hỗ trợ tư pháp và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật*”.

- Phụ trách tiêu chí đánh giá tại phần X trong đánh giá chỉ số chính quyền cơ sở cấp xã “*Công tác tổ chức bộ máy chính quyền, thực hiện Quy chế dân chủ, Dân vận chính quyền và phối hợp công tác*”.

c) Tổng kết, rút kinh nghiệm, kiến nghị, đề xuất giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh (nếu có).

2.2. Văn phòng HĐND&UBND huyện

a) Phối hợp phòng Nội vụ trình UBND huyện công bố chỉ số cải cách hành chính và chính quyền cơ sở cấp xã năm 2023.

b) Trực tiếp thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm về các lĩnh vực:

Phần 7: Xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số

Đánh giá tại mục 7.2 Chuyển đổi số trong cải cách thủ tục hành chính

Phần 3: Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

- Phần VI từ mục số 8 và mục số 9 trong tiêu chí đánh giá chính quyền cơ sở cấp xã “*Kết quả thực hiện trên lĩnh vực Văn hóa, thể thao, du lịch, gia đình và chính sách dân tộc tôn giáo*”

2.3. Phòng Tư pháp

Thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm trong các lĩnh vực cụ thể như sau:

- Phần 2: Công tác theo dõi thi hành pháp luật và thực hiện văn bản quy phạm pháp luật;

- Phần IX từ mục số 1 đến mục số 6 trong tiêu chí đánh giá chính quyền cơ sở cấp xã “*Kết quả tổ chức và đảm bảo việc thi hành Hiến pháp và pháp luật, hành chính tư pháp, hỗ trợ tư pháp và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật*”.

2.4. Phòng Tài chính – Kế hoạch

Thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm về lĩnh vực:

Phần 6: Cải cách tài chính công.

Phần I trong đánh giá chỉ số chính quyền cơ sở cấp xã “*Kết quả thực hiện trên kinh vực kinh tế - xã hội*”.

2.5. Phòng Văn hóa – Thông tin

Thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm của các đơn vị, về lĩnh vực:

Phần 7: Xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số

- Phần V: Mục số 16 trong tiêu chí đánh giá chính quyền cơ sở cấp xã “*Kết quả thực hiện trên lĩnh vực giáo dục, y tế, lao động, chính sách xã hội*”.

- Phần VI từ mục số 1 đến mục số 7 trong tiêu chí đánh giá chính quyền cơ sở cấp xã “*Kết quả thực hiện trên lĩnh vực Văn hóa, thể thao, du lịch, gia đình và chính sách dân tộc tôn giáo*”.

- Phần VII trong tiêu chí đánh giá chính quyền cơ sở cấp xã “*Kết quả thực hiện trong lĩnh vực thông tin truyền thông, khoa học, công nghệ*”.

2.6. Phòng Kinh tế - Hạ tầng

Thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm trong các lĩnh vực cụ thể như sau:

- Phần III trong tiêu chí đánh giá chính quyền cơ sở cấp xã “*Kết quả thực hiện trên lĩnh vực xây dựng, mạng lưới giao thông, xây dựng điểm dân cư*” trong đánh giá chỉ số chính quyền cơ sở cấp xã.

- Phần VII trong tiêu chí đánh giá chính quyền cơ sở cấp xã “*Kết quả thực hiện trong lĩnh vực thông tin truyền thông, khoa học, công nghệ*”.

2.7. Phòng Tài nguyên và Môi trường

Thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm trong các lĩnh vực cụ thể như sau:

Phần IV trong tiêu chí đánh giá chính quyền cơ sở cấp xã “*Kết quả thực hiện trên lĩnh vực tài nguyên và môi trường*”

2.8. Phòng Giáo dục và Đào tạo, phòng Y tế, phòng Lao động, Thương binh xã hội

Phụ trách Phần V trong tiêu chí đánh giá chính quyền cơ sở cấp xã “*Kết quả thực hiện trên lĩnh vực giáo dục, y tế, lao động, thương binh và xã hội*”.

2.9. Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn

Phụ trách Phần II trong tiêu chí đánh giá chính quyền cơ sở cấp xã “*Kết quả quản lý trên lĩnh vực công, nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thương mại-dịch vụ*”.

2.10. Công an huyện – Ban Chỉ huy quân sự huyện:

Phụ trách Phần VIII trong tiêu chí đánh giá chính quyền cơ sở cấp xã “*Kết quả thực hiện trên lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội*”.

2.11. Huyện đoàn: Cho ý kiến đánh giá đối với cơ sở đoàn của UBND các xã, thị trấn.

2.12. Liên đoàn lao động huyện: Thực hiện việc đánh giá đối với hoạt động công đoàn cơ sở.

3. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thẩm định Bộ chỉ số cải cách hành chính, chính quyền cơ sở cấp xã được sử dụng từ nguồn kinh phí đặc thù cải cách hành chính năm 2023 đã cấp cho phòng Nội vụ huyện.

Giao Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện bố trí kinh phí để thực hiện và hướng dẫn phòng Nội vụ huyện thanh quyết toán kinh phí đúng theo quy định hiện hành.

IV. THỜI GIAN THỰC HIỆN

- Chậm nhất ngày **15/11/2023**, UBND các xã, thị trấn gửi kết quả tự đánh giá, chấm điểm chỉ số cải cách hành chính và chính quyền cơ sở cấp xã năm 2023 về UBND huyện thông qua phòng Nội vụ.

- Giao phòng Nội vụ tổng hợp, xin ý kiến thẩm định các cơ quan, đơn vị và hoàn thành trước ngày **15/12/2023** báo cáo UBND tỉnh, Sở Nội vụ theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch đánh giá phân loại Chỉ số cải cách hành chính và chính quyền cơ sở cấp xã năm 2023 của UBND huyện, đề nghị UBND các xã, thị trấn nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Phòng Nội vụ huyện;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc huyện;
- Công an huyện; BCH Quân sự huyện;
- LĐLĐ huyện; Huyện đoàn;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, NV.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Quang Phương